TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN K** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 05/2023/HS-ST Ngày 13-01-2023	

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Hoàng

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Bùi Thị Phượng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Tuyết Chinh - Kiểm sát viên.

Ngày 13/01/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục rút gọn vụ án hình sự thụ lý số 74/2022/TLST-HS ngày 30/12/2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2023/QĐXXST-HS ngày 06/01/2023 đối với các bị cáo:

1. Lưu Đình T, sinh ngày 20/7/1980 tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Thôn C, xã Đ, huyện K, thành phố Hải Phòng; nghề Nệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 06/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lưu Đình N, sinh năm 1945 và bà Nguyễn Thị B (đã chết); có vợ là Vũ Thị H1, sinh năm 1985 và có 02 con, con thứ nhất sinh năm 2005, con thứ hai sinh năm 2008; tiền sự, tiền án: Không; nhân thân: Tại bản án số 14/2012/HSST ngày 20/3/2012 của Tòa án nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng xử phạt 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 17 (mười bảy) tháng 18 (mười tám) ngày, tính từ ngày tuyên án về tội "Đánh bạc" theo quy định tại khoản 1 Điều 248 Bộ luật Hình sự và Bản án số 79/2012/HSST ngày 23/10/2012 của Tòa án nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng xử phạt 06 (sáu) tháng tù về tội "Đánh bạc" theo quy định tại khoản 1 Điều 248 Bộ luật Hình sự; buộc bị cáo chấp hành bản án hình sự số 14/2012/HSST ngày 20/3/2012 là 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo thành 09 (chín) tháng tù. Tổng hợp hình phạt chung của 02 bản án, buộc bị cáo pH chấp hành 15 tháng tù (đã được xóa án tích). Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 15/11/2022 đến ngày 17/11/2022 được thay thế bằng pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú"; có mặt.

2. Nguyễn Xuân T1, sinh ngày 17/5/1976 tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Thôn K1, xã T, huyện K, thành phố Hải Phòng; nghề Nệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 09/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Xuân P, sinh năm 1945 và bà Phạm Thị D, sinh năm 1949; có vợ là Nguyễn Thị L, sinh năm 1978 và có 02 con, con thứ nhất sinh năm 1999, con thứ hai sinh năm 2008; tiền sự: T1 bị xử phạt 1.500.000đ (một triệu, năm trăm nghìn đồng) về hành vi "Đánh bạc trái phép" theo Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 25/QĐ-XPVPHC ngày 22/4/2022 của Công an xã T, huyện K, thành phố Hải Phòng, nộp phạt ngày 22/4/2022 (tính đến lần thực hiện hành vi "Đánh bạc" lần này ngày 14/11/2022, chưa hết thời hạn được coi là chưa bị xử phạt vi phạm hành chính); tiền án, nhân thân: Không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 15/11/2022 đến ngày 17/11/2022 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú"; có mặt.

3. Tô Ngọc H, sinh ngày 22/8/1983 tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Thôn C, xã Đ, huyện K, thành phố Hải Phòng; nghề Nệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Tô Ngọc S, sinh năm 1962 và bà Nguyễn Thị H1, sinh năm 1965; có vợ là Phạm Thị H2, sinh năm 1983 và có 03 con, lớn nhất sinh năm 2007, nhỏ nhất sinh năm 2009; tiền sự, tiền án, nhân thân: Không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 15/11/2022 đến ngày 17/11/2022 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú"; có mặt.

4. Bùi Đắc C, sinh ngày 01/01/1971 tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Thôn C, xã Đ, huyện K, thành phố Hải Phòng; nghề Nệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 07/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Đắc N1 (chết năm 2009) và bà Đỗ Thị B1 (chết năm 2012); có vợ là Bùi Thị T4, sinh năm 1973 và có 04 con, con thứ nhất sinh năm 1995, con thứ tư sinh năm 2010; tiền sự, tiền án, nhân thân: Không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 15/11/2022 đến ngày 17/11/2022 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú"; có mặt.

- *Người bào chữa cho các bị cáo T, C:* Bà Đoàn Thị Hệ, sinh năm 1983 - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước thành phố Hải Phòng; địa chỉ Trung tâm TGPL: Số 112, đường L, phường Q, quận K2, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:* Anh Bùi Duy A, sinh năm 1972; địa chỉ cư trú: Thôn C, xã Đ, huyện K, thành phố Hải Phòng; có mặt.

NỘI D VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội D vụ án được tóm tắt như sau: Chiều tối ngày 14/11/2022, Lưu Đình T, Nguyễn Xuân T1, Tô Ngọc H và Bùi Đắc C đến tiệc cưới tại thôn C, xã Đ, huyện K. Sau đó, cùng đi đến nhà anh Bùi Duy A, sinh năm 1972, cư trú tại thôn C, xã Đ, huyện K ở liền kề

để ngồi chơi, uống nước. Đến khoảng 21 giờ 00 phút cùng ngày, T, T1, H, C cùng rủ nhau "Đánh bạc" dưới hình thức đánh "phỏm", được thua bằng tiền và sử dụng 02 bộ bài tú lơ khơ có sẵn ở nhà anh Duy A để đánh bạc. Cả nhóm thống nhất quy ước tỷ L được, thua từ 10.000 đồng, 20.000 đồng, 30.000 đồng, tương ứng với số tiền người về thứ hai, thứ ba, thứ tư phải trả cho người về nhất, "cháy" 50.000 đồng (người nào có bài "cháy" phải trả cho người về nhất 50.000 đồng), "ù" 70.000 đồng (người nào có bài "ù" thì những người còn lại phải trả cho người "ù" số tiền 70.000 đồng). Người nào được bài "ù" sẽ bỏ ra 10.000 đồng để mua thuốc, nước phục vụ việc đánh bạc. Quá trình đánh bạc T được ù 01 lần, bỏ ra 10.000 đồng; C được ù 02 lần, bỏ ra 20.000 đồng; T1 được ù 02 lần, bỏ ra 20.000 đồng, tổng số tiền các đối tượng đã bỏ ra cạnh chiếu bạc 50.000 đồng để mua thuốc, nước. Khi đánh bạc H sử dụng 2.200.000 đồng, C sử dụng 2.130.000 đồng, T1 sử dụng 2.100.000 đồng, T sử dụng 700.000 đồng để đánh bạc. Khi bắt quả tang H thua 1.900.000 đồng, C thắng 570.000 đồng, T1 thắng 1.660.000 đồng, T thua 330.000 đồng. Tổng số tiền sử dụng để đánh bạc 7.130.000đ (bảy triệu, một trăm ba mươi nghìn đồng). Anh Bùi Duy A là người làm cỗ phục vụ đám cưới, cũng ăn tại tiệc cưới đó rồi về nhà, do say rượu đi ngủ trước khi các đối tượng rủ nhau "Đánh bạc" nên không biết việc các đối tượng đánh bạc tại nhà mình, không biết nguồn gốc bộ bài ở đâu mà có. Trong khi đánh bạc, không bố trí người canh gác hay cầm đồ tài sản, không nộp tiền hồ cho ai. Các đối tượng đánh bạc liên tục đến 22 giờ 30 phút cùng ngày, bị Công an huyện K phát hiện, bắt quả tang và thu giữ toàn bộ vật chứng tại chiếu bạc 7.080.000 đồng, số tiền 50.000 đồng cạnh chiếu bạc và 02 bộ bài tú lơ khơ mỗi bộ có 52 lá bài; thu giữ trong người Lưu Đình T 2.015.000 đồng, Nguyễn Xuân T1 6.515.000 đồng, Tô Ngọc H 1.162.000 đồng, Bùi Đắc C 2.525.000 đồng.

Quá trình điều tra, xác minh, ngày 28/12/2022 Cơ quan điều tra đã trả lại T, T1, H, C toàn bộ số tiền thu giữ ngày 14/11/2022 do không sử dụng để "Đánh bạc".

Số tiền 7.130.000đ (bảy triệu, một trăm ba mươi nghìn đồng) và 02 bộ bài tú lơ khơ dùng "Đánh bạc" được chuyển đến Chi Cục thi hành án dân sự huyện K quản lý, phục vụ xét xử theo biên bản giao, nhận ngày 30/12/2022 và Ủy nhiệm chi lập ngày 04/01/2023 tại Kho bạc Nhà nước huyện K, thành phố Hải Phòng.

Tại Cơ quan điều tra, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung vụ án đã nêu.

Tại Quyết định truy tố theo thủ tục rút gọn số: 01/QĐ-VKS-KT ngày 29/12/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện K đã truy tố các bị cáo Lưu Đình T, Nguyễn Xuân T1, Tô Ngọc H, Bùi Đắc C đều về tội "Đánh bạc" theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, các bị cáo đều khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, thống nhất như sau: Chiều tối ngày 14/11/2022, do có quen biết từ trước, T, T1, H, C đến tiệc

cưới tại thôn C, xã Đ rồi cùng đi sang nhà anh Bùi Duy A ở liền kề với nhà cháu họ anh có tiệc cưới ngồi chơi, uống nước. Đến khoảng 21 giờ 00 phút cùng ngày, T, T1, H, C cùng rủ nhau "Đánh bạc trái phép" dưới hình thức đánh "phỏm", được thua bằng tiền với tổng số tiền "Đánh bạc" 7.130.000đ (bảy triệu, một trăm ba mươi nghìn đồng). Quá trình đánh bạc, H sử dụng 2.200.000 đồng, C sử dụng 2.130.000 đồng, T1 sử dụng 2.100.000 đồng, T sử dụng 700.000 đồng để đánh bạc. Khi bị bắt quả tang, H thua 1.900.000 đồng, C thắng 570.000 đồng, T1 thắng 1.660.000 đồng, T thua 330.000 đồng. Các đối tượng không bố trí người canh gác, không vay tiền, cầm cố tài sản gì, không nộp tiền hồ cho ai. Các đối tượng đánh bạc liên tục đến 22 giờ 30 phút cùng ngày bị bắt giữ cùng vật chứng.

Sau quá trình thẩm vấn, đánh giá tính chất của vụ án cùng các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đặc điểm nhân thân, vai trò đồng phạm của các bị cáo. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K trình bày lời luận tội, giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng như nội dung Quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng mức hình phạt, xử lý vật chứng và các vấn đề khác có liên quan:

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các điều 17, 58, 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt các bị cáo:

+ Lưu Đình T từ 12 (mười hai) tháng đến 15 (mười lăm) tháng tù về tội "Đánh bạc". Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

+ Nguyễn Xuân T1 từ 09 (chín) tháng đến 12 (mười hai) tháng tù về tội "Đánh bạc". Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

Trừ cho các bị cáo T, T1 03 (ba) ngày bị tạm giữ từ ngày 15/11/2022 đến ngày 17/11/2022 vào thời hạn chấp hành hình phạt tù. Thời hạn cấm đi khỏi nơi cư trú của các bị cáo T, T1 không quá thời hạn kể từ khi tuyên án cho đến thời điểm đi chấp hành án phạt tù.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các điều 17, 58, Điều 36 Bộ luật Hình sự, xử phạt mỗi bị cáo:

Tô Ngọc H, Bùi Đắc C từ 12 (mười hai) tháng đến 15 (mười lăm) tháng cải tạo không giam giữ về tội "Đánh bạc". Trừ cho mỗi bị cáo H, C 03 (ba) ngày bị tạm giữ (từ ngày 15/11/2022 đến ngày 17/11/2022) bằng 09 (chín) ngày cải tạo không giam giữ vào thời gian chấp hành hình phạt.

Hủy bỏ biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú đối với các bị cáo H, C.

- Về hình phạt bổ sung, khấu trừ thu nhập: Do các bị cáo đều làm lao động tự do, thu nhập không ổn định; các bị cáo T, C thuộc hộ cận nghèo tại địa phương Nên miễn áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo T, T1; miễn khấu trừ thu nhập hàng tháng đối với các bị cáo H, C.

- Về xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

+ Tịch thu số tiền 7.130.000đ (bảy triệu, một trăm ba mươi nghìn đồng) dùng vào "Đánh bạc" để sung vào ngân sách Nhà nước.

Trong vụ án này, anh Bùi Duy A không biết các bị cáo đánh bạc tại nhà mình nên Cơ quan điều tra không xử lý là có căn cứ nên không đặt ra xem xét.

Tại phiên tòa, người bào chữa - Bà Hệ trình bày nội dung bào chữa cho các bị cáo T, C:

- Về tội danh, điều luật áp dụng: Đồng ý với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K truy tố bị cáo Lưu Đình T và Bùi Đắc C đồng phạm tội "Đánh bạc" quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự là đúng. Nên Trợ giúp viên không ý kiến gì.

- Về tính chất, mức độ nguy hiểm hành vi phạm tội: Cả 02 bị cáo tham gia với vai trò là đồng phạm, tuy nhiên đây là vụ án mang tính chất giản đơn, các bị cáo chỉ nhất thời phạm tội khi ngồi chơi tại nhà anh Bùi Duy A thấy có sẵn bài để ở chiếu nên các bị cáo mới rủ nhau chơi, số tiền các bị cáo quy ước khi chơi thắng, thua là số tiền nhỏ (10.000 đồng, 20.000 đồng, … cao nhất là 70.000 đồng). Trong vụ án này, không có người khởi xướng, chuẩn bị công cụ, phương tiện để thực hiện việc đánh bạc. Quy mô tính chất của vụ án là không lớn, chỉ có 04 người chơi với nhau. Các bị cáo bị truy tố và đề nghị xét xử về tội "Đánh bạc" với tổng số tiền là 7.130.000 đồng, trong khi mức cao nhất để xét xử tội "Đánh bạc" quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự "... từ 5.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng ...". Như vậy, số tiền các bị cáo dùng đánh bạc chỉ cao hơn mức khởi điểm là 2.130.000 đồng và thấp hơn mức cao nhất 07 lần. Các bị cáo tham gia chơi từ 21 giờ đến 22 giờ 30 phút bị bắt quả tang thì bị cáo C thắng số tiền 570.000 đồng, bị cáo T thua số tiền 330.000 đồng.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Thứ nhất, tại giai đoạn điều tra cho đến phiên tòa hôm nay bị cáo C luôn thành khẩn khai báo trung thực, thống nhất hành vi phạm tội của mình, đồng thời ăn năn hối hận về những hành vi vi phạm pháp luật mà mình đã thực hiện, mong muốn có cơ hội được sửa chữa sai lầm. Vì vậy, đề nghị cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ “thành khẩn khai báo”, “ăn năn hối cải” tại điểm s khoản 1 điều 51 Bộ luật Hình sự với ý nghĩa là 02 tình tiết giảm nhẹ. Thứ hai, các bị cáo bị truy tố về tội "Đánh bạc" quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự. Đây là tội phạm ít nghiêm trọng, bị cáo C lần đầu tiên phạm tội. Đề nghị cho bị cáo C được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 “phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng”. Thứ ba, tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự: Bị cáo C có bố là Bùi Đắc N1 có thời gian tham gia kháng chiến phục vụ quân đội; bị cáo T có bố là

Lưu Đình N có thời gian tham gia kháng chiến, khi còn sống được hưởng chế độ thương binh hạng ¾.

- Về hình phạt: Các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, đặc biệt bị cáo C có 02 tình tiết giảm nhẹ tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, không có tình tiết tăng nặng. Hơn nữa hành vi phạm tội của bị cáo mang tính giản đơn, phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, tính chất của vụ án không lớn. Bản thân các bị cáo có nơi cư trú rõ ràng. Trong thời gian bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, các bị cáo luôn chấp hành đúng yêu cầu của cơ quan tiến hành tố tụng. Điều 3 Bộ luật Hình sự quy định nguyên tắc xử lý đối với người phạm tội "khoan hồng với người thành khẩn khai báo,… ăn năn hối cải….". Từ những phân tích, lập luận trên đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1, khoản 2 điều 51, Điều 3, 36 Bộ luật Hình sự: Cho bị cáo C được hưởng hình phạt cải tạo không giam giữ ở mức thấp nhất theo đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa cũng đủ tác dụng răn đe, phòng ngừa tội phạm đồng thời cho bị cáo cơ hội được sửa chữa sai lầm, sớm trở về với gia đình. Bị cáo C bị tạm giữ từ ngày 15/11/2022 đến ngày 17/11/2022. Căn cứ khoản 1 Điều 36 Bộ luật Hình sự, đề nghị xem xét trừ thời gian bị cáo bị tạm giữ vào thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ (09 ngày cải tạo không giam giữ). Bị cáo T phạm tội ít nghiêm trọng, tính chất, mức độ nguy hiểm hành vi phạm tội không lớn, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, bản thân có nơi cư trú rõ ràng. Mặc dù trước đây bị cáo đã có tiền án nhưng đã được xóa án tích. Đối chiếu với Điều 65 Bộ luật Hình sự, Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP, Nghị quyết 01/2022/NQ-HĐTP hướng dẫn áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự thì bị cáo T đủ điều kiện để áp dụng. Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 3, 65 Bộ luật Hình sự, Điều 2 Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP, Điều 1 Nghị quyết 01/2022/NQ-HĐTP cho bị cáo T được hưởng hình phạt ở mức thấp và cho bị cáo được hưởng án treo cũng đủ tác dụng răn đe, phòng ngừa tội phạm.

- Về hình phạt bổ sung, khấu trừ thu nhập, án phí: Các bị cáo T, C đều không có công việc ổn định, thu nhập thấp nên đề nghị miễn hình phạt bổ sung, khấu trừ thu nhập cho các bị cáo; 02 bị cáo đều thuộc hộ cận nghèo, nên đề nghị căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/QH14 để miễn án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo.

Sau khi đại diện Viện Kiểm sát giữ quyền công tố luận tội, tranh luận các bị cáo đều thành khẩn khai nhận tội, tỏ ra ăn năn hối cải và xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện K, Điều tra viên; Viện Kiểm sát nhân dân huyện K, Kiểm sát viên, trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh, điều luật áp dụng: Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra, biên bản bắt người phạm tội quả tang; các biên bản khám Nệm hiện T1, sơ đồ, bản ảnh hiện T1, vật chứng thu giữ và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện: Từ khoảng 21 giờ 00 phút ngày 14/11/2022, tại nhà anh Bùi Duy A ở thôn C, xã Đ, huyện K, thành phố Hải Phòng, các bị cáo Lưu Đình T, Nguyễn Xuân T1, Tô Ngọc H, Bùi Đắc C đã thực hiện hành vi "Đánh bạc trái phép" dưới hình thức đánh phỏm, được thua bằng tiền với tổng số tiền 7.130.000^{đ} (bảy triệu, một trăm ba mươi nghìn đồng) liên tục đến 22 giờ 30 phút cùng ngày bị Công an huyện K phát hiện, bắt quả tang cùng toàn bộ vật chứng. Như vậy, hành vi của các bị cáo T, T1, H, C đã có đủ các yếu tố cấu thành đồng phạm tội "Đánh bạc" theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự như Viện kiểm sát truy tố là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo đều không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, không có tiền án. Tuy nhiên, bị cáo T về nhân thân đã 02 lần bị xét xử cùng về tội "Đánh bạc" (đều đã được xóa án tích), xác định bị cáo là người có nhân thân xấu; bị cáo T1 có 01 tiền sự, bị xử phạt 1.500.000 đồng về hành vi "Đánh bạc trái phép" ngày 22/4/2022, nộp phạt ngày 22/4/2022 (tính đến lần thực hiện hành vi "Đánh bạc" lần này ngày 14/11/2022, chưa hết thời hạn được coi là chưa bị xử phạt vi phạm hành chính), tiếp tục thực hiện hành vi "Đánh bạc trái phép". Thể hiện các bị cáo T, T1 không chịu tu dưỡng bản thân, không chấp hành pháp luật, nên cần xử phạt các bị cáo với mức hình phạt Nêm.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Do đó, các bị cáo đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ "Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải" quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự; các bị cáo H, C phạm tội lần này là "Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng" nên đều được hưởng 01 tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo T1 có mẹ đẻ được tặng thưởng Huân chương kháng chiến chống Mỹ hạng ba; bị cáo T có cha đẻ là thương binh loại A, thương tật hạng 3/4 (42%); bị cáo C có cha đẻ có thời gian phục vụ Quân đội nhân dân Việt Nam; các bị cáo H, C cùng có đơn xin bảo lãnh của

thân nhân trong gia đình nên 04 bị cáo đều được hưởng thêm 01 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[5] Xét vai trò thực hiện hành vi phạm tội của các bị cáo: Trong vụ án này, trước khi thực hiện hành vi phạm tội, các bị cáo tuy không có sự bàn bạc từ trước, không phân công người canh gác, không ai cho ai vay tiền, không cầm cố đồ vật, tài sản gì nhưng đều thống nhất ý chí trong việc cùng rủ nhau thực hiện hành vi "Đánh bạc trái phép" được, thua bằng tiền. Bị cáo T1 sử dụng 2.100.000 đồng, T sử dụng 700.000 đồng để đánh bạc là ít hơn so với bị cáo H sử dụng 2.200.000 đồng, C sử dụng 2.130.000 đồng để đánh bạc. Tuy nhiên, bị cáo T 02 lần bị xét xử cùng về tội "Đánh bạc" (đều đã được xóa án tích), bị cáo T1 có 01 tiền sự về hành vi "Đánh bạc", được xác định các bị cáo là người có nhân thân xấu, không chịu tu dưỡng bản thân nên cùng phải chịu mức hình phạt nghiêm, cao hơn so với các bị cáo H, C phạm tội lần này là phạm tội lần đầu.

[6] Từ những phân tích về tính chất, vai trò và mức độ nguy hiểm cho xã hội, về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo. Đánh giá hành vi phạm tội của các bị cáo thuộc loại tội phạm ít nghiêm trọng. Tuy nhiên, hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những gây ảnh hưởng đến trật tự an toàn xã hội mà còn gây tâm lý bức xúc trong nhân dân. Xác định loại hình phạt: Nhận thấy, cần bắt các bị cáo T, T1 phải cách ly khỏi xã hội một thời gian mới đủ tác dụng để răn đe, cải tạo, giáo dục các bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung. Các bị cáo H, C phạm tội lần này là phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, nên cho các bị cáo được cải tạo ngoài xã hội cũng đủ để răn đe, cải tạo, giáo dục các bị cáo.

[7] Về hình phạt bổ sung, khấu trừ thu nhập: Các bị cáo đều làm lao động tự do, thu nhập không ổn định, không có tài sản riêng, nguồn thu nào khác; các bị cáo T, C thuộc hộ cận nghèo tại địa phương. Người bào chữa đề nghị cho các bị cáo T, C được miễn hình phạt bổ sung, khấu trừ thu nhập hàng tháng là có căn cứ, nên được chấp nhận. Vì vậy, cho các bị cáo T, T1 được miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền; cho các bị cáo H, C được miễn khấu trừ thu nhập hàng tháng.

[8] Về xử lý vật chứng:

[8.1] Số tiền 7.130.000^{đ} (bảy triệu, một trăm ba mươi nghìn đồng) sử dụng để "Đánh bạc", cần tịch thu để sung vào ngân sách Nhà nước theo Ủy nhiệm chi lập ngày 04/01/2023 tại Kho bạc Nhà nước huyện K, thành phố Hải Phòng.

[8.2] 02 bộ bài tú lơ khơ là công cụ sử dụng để "Đánh bạc", cần tịch thu tiêu hủy theo biên bản giao, nhận ngày 29/12/2022 tại Chi cục thi hành án Dân sự huyện K, thành phố Hải Phòng.

[9] Về án phí: Người bào chữa đề nghị miễn án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo T, C nhưng không nộp đơn đề nghị, xin miễn án phí theo quy định, nên không được chấp nhận. Vì vậy, 04 bị cáo đều phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

[10] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án đều có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[11] Về tình tiết khác có liên quan: Trong vụ án này, còn có anh Bùi Duy A là chủ nhà, nhưng không biết các đối tượng đánh bạc tại nhà mình do uống rượu say, đi ngủ từ trước khi các bị cáo "Đánh bạc" nên Cơ quan điều tra không xử lý; số tiền thu giữ trong người các bị cáo không sử dụng để "Đánh bạc", Cơ quan điều tra đã trả lại các bị cáo. Các vấn đề Cơ quan điều tra đã xử lý, giải quyết và không xử lý đều là phù hợp và có căn cứ nên không xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các điều 17, 58, 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt các bị cáo:

+ Lưu Đình T 12 (mười hai) tháng tù về tội “Đánh bạc”.

+ Nguyễn Xuân T1 09 (chín) tháng tù về tội “Đánh bạc”.

Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt các bị cáo đi thi hành án. Trừ cho các bị cáo 03 (ba) ngày bị tạm giữ từ ngày 15/11/2022 đến ngày 17/11/2022 vào thời hạn chấp hành hình phạt tù. Thời hạn cấm đi khỏi nơi cư trú của các bị cáo không quá thời hạn kể từ khi tuyên án cho đến thời điểm đi chấp hành án phạt tù.

- Căn cứ khoản 1 Điều 321; các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các điều 17, 58, Điều 36 Bộ luật Hình sự, xử phạt mỗi bị cáo:

+ Tô Ngọc H, Bùi Đắc C 15 (mười lăm) tháng cải tạo không giam giữ về tội “Đánh bạc”. Trừ cho mỗi bị cáo 03 (ba) ngày bị tạm giữ, từ ngày 15/11/2022 đến ngày 17/11/2022 bằng 09 (chín) ngày cải tạo không giam giữ vào thời gian chấp hành hình phạt. Mỗi bị cáo còn phải chấp hành 14 (mười bốn) tháng 21 (hai mươi mốt) ngày cải tạo không giam giữ.

Thời gian cải tạo không giam giữ của các bị cáo H, C tính từ ngày UBND xã Đ, huyện K, thành phố Hải Phòng được giao giám sát, giáo dục nhận được bản sao Bản án và Quyết định thi hành án. Giao các bị cáo cho UBND xã Đ, huyện K, thành phố Hải Phòng giám sát, giáo dục. Gia đình người bị kết án có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục.

Trong trường hợp người chấp hành án phạt cải tạo không giam giữ vắng mặt tại nơi cư trú, thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 100 Luật Thi hành án hình sự như sau: Người chấp hành án có thể vắng mặt tại nơi cư trú nếu có lý do chính đáng và phải xin phép theo quy định tại khoản 2 Điều này, phải thực hiện khai báo tạm vắng theo quy định của pháp luật về cư trú. Thời gian vắng mặt tại nơi cư trú mỗi lần không quá 30 ngày và tổng số thời gian vắng mặt tại nơi cư trú không được vượt quá một phần ba thời gian chấp hành án, trừ trường hợp bị bệnh phải điều trị tại cơ sở y tế theo chỉ định của bác sỹ và phải có xác nhận điều trị của cơ sở y tế đó. Người chấp hành án khi vắng mặt tại nơi cư trú phải có đơn xin phép và được sự đồng ý của UBND cấp xã, đơn vị quân đội được giao giám sát, giáo dục; trường hợp không đồng ý thì UBND cấp xã, đơn vị quân đội phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Người chấp hành án khi đến nơi cư trú mới phải trình báo với Công an cấp xã nơi mình đến tạm trú, lưu trú; hết thời hạn tạm trú, lưu trú phải có xác nhận của UBND cấp xã hoặc Công an cấp xã nơi tạm trú, lưu trú. trường hợp người chấp hành án vi phạm pháp luật, UBND cấp xã nơi người đó đến tạm trú, lưu trú phải thông báo cho UBND cấp xã, đơn vị quân đội được giao giám sát, giáo dục kèm theo tài liệu có liên quan. Việc giải quyết trường hợp người chấp hành án thay đổi nơi cư trú hoặc nơi làm việc trong quân đội thực hiện theo quy định tại Điều 68 của Luật này. Người chấp hành án không được xuất cảnh trong thời gian chấp hành án.

Căn cứ vào Điều 125 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Hủy bỏ biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú đối với các bị cáo H, C.

- Về hình phạt bổ sung, khấu trừ thu nhập: Miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo T, T1; miễn khấu trừ thu nhập hàng tháng đối với các bị cáo H, C.

- Về xử lý vật chứng: Căn cứ khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

+ Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước: Số tiền 7.130.000[đ] (bảy triệu, một trăm ba mươi nghìn đồng) theo Ủy nhiệm chi lập ngày 04/01/2023 tại Kho bạc Nhà nước huyện K, thành phố Hải Phòng.

+ Tịch thu tiêu hủy: 02 bộ bài tú lơ khơ theo biên bản giao, nhận ngày 29/12/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, thành phố Hải Phòng.

- Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Mỗi bị cáo T, T1, H, C đều phải chịu 200.000[đ] (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

- Về quyền kháng cáo:

Căn cứ vào các điều 331, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự: Các bị cáo đều có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo về những vấn đề trực tiếp liên quan đến quyền lợi nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7[a] và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- VKSND huyện K, HP;
- Công an huyện K + PV 06 HP;
- THA phạt tù + PC 10;
- Chi cục THADS huyện + Sở Tư pháp;
- UBND xã T, huyện K, HP;
- UBND xã Đ, huyện K, HP;
- Các bị cáo;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án;
- Người bào chữa cho các bị cáo T, C;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, án văn.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Đức Hoàng